

Số: 127/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 6 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng**  
**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán**  
**của Trường Đại học Đông Á**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán của Trường Đại học Đông Á, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 18/6/2022 của Hội đồng,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính qui trình độ đại học ngành Kế toán của Trường Đại học Đông Á của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng qui định hiện hành.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Đông Á thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm



định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính qui trình độ đại học ngành Kế toán của Trường Đại học Đông Á theo qui định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**



**Trần Đình Quang**



## PHỤ LỤC 1

**Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kế toán của Trường Đại học Đông Á**

(Kèm theo Nghị quyết số 127/NQ-HĐKĐCLV ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                                    |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ<br>số tiêu<br>chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67                           | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 5                        | 100                                |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 1.2            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 4,00                        | 3                        | 100                             | Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                          |                                 | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,20                        | 5                        | 100                                |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.1            | 5                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67                           | Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.3            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.2            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.3            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 8.5            | 4                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 4,00                        | 3                        | 100                             | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 3,80                        | 5                        | 80                                 |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.1            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.3            | 3                          |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | 3,80                        | 4                        | 80                              | Tiêu chí 9.4            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                          |                                 | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 4,00                        | 6                        | 100                                |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          | Tiêu chí 10.3               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | 3,86                        | 6                        | 85,71                           | Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                          |                                 | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 3,80                        | 4                        | 80                                 |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.1           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.3           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.7            | 3                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.4           | 3                          |                             |                          |                                    |
|                         |                            |                             |                          |                                 | Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                          |                                    |
| Mức trung bình          |                            |                             |                          | Số tiêu chí đạt                 |                         | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)  |                             |                          |                                    |
| 3,90                    |                            |                             |                          | 44                              |                         | 88                         |                             |                          |                                    |







## PHỤ LỤC 2

### **Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kế toán của Trường Đại học Đông Á**

*(Kèm theo Nghị quyết số 127/NQ-HĐKĐCLV ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)*

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán (gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Đông Á đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng giai đoạn 2017-2021. Kết quả đánh giá ngoài cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu đào tạo của CTĐT rõ ràng, cụ thể bao gồm cả về kiến thức, kỹ năng và mức chủ và trách nhiệm, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, với mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra được mô tả ngắn gọn, rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật. Có ma trận liên kết giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT, thể hiện được ý kiến của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT có đủ các thông tin theo qui định, được cập nhật theo hướng chú trọng và tăng cường kỹ năng, nâng cao năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và quản lý dự án, khởi nghiệp. 100% đề cương học phần có đầy đủ thông tin. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Ban hành chính thức mục tiêu và triết lý giáo dục, được truyền đạt tới cán bộ, giảng viên, sinh viên thông qua nhiều hình thức khác nhau. CTĐT đã xây dựng chiến lược dạy và học (8 nhóm) và các phương pháp giảng dạy phù hợp với từng chương/bài/mục. Nhà trường hướng dẫn sinh viên sử dụng các phương pháp học tập nhằm đạt chuẩn đầu ra, khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, tăng tính năng động, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng tự học. Có hệ thống văn bản qui định và qui trình đánh giá kết quả học tập, qui định cụ thể về đánh giá kết quả học tập, bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và được công khai hóa, được phổ biến cho sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau; Trường đã sử dụng 10 bộ tiêu chí (rubrics) đánh giá; Kết quả phỏng vấn cho thấy sinh viên đánh giá tốt về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập và phúc khảo bài thi. Có ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển, tuyển dụng đội ngũ giảng viên và nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, công khai. Khối lượng công việc, số lượng và loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác định rõ ràng, được giám sát, đánh giá và làm căn cứ để xét thi đua, khen thưởng. Có chính sách, qui định và kinh phí hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng giảng viên với nhiều nội dung phong phú. Có chính sách /đề án tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người rõ ràng, xây dựng dựa trên ý kiến của các bên liên quan và được đăng tải trên trang thông tin điện



tử của Trường/Khoa. Có hệ thống thực hiện giám sát sự tiến bộ trong học tập, khối lượng học tập và rèn luyện của người học. Có phần mềm hệ thống hỗ trợ để quản lý, theo dõi SV nghỉ học dài ngày, cảnh báo học vụ, phản hồi sinh viên. Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học (06 giảng đường, 52 phòng học, 01 hội trường) và các phòng chức năng, không gian tự học, phòng họp trực tuyến; có thư viện với đủ học liệu; hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại; tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai. Có qui trình khảo sát, bộ công cụ lấy ý kiến và định kỳ đều thực hiện khảo sát các bên liên quan để điều chỉnh, cập nhật chương trình dạy học định kỳ; về các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ; kết quả khảo sát đã được phân tích, xử lý và sử dụng để cải tiến chất lượng hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ; nhiều các đề tài, công bố khoa học có liên quan và được áp dụng một số vào hoạt động dạy và học. Có hệ thống các văn bản qui định về việc theo dõi, giám sát tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp 6, 12 tháng. Hệ thống cơ sở dữ liệu tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp được quản lý và vận hành bởi phần mềm. Có qui định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hằng năm thực hiện thu thập, xử lý dữ liệu và lập báo cáo khảo sát làm cơ sở để lập kế hoạch cải tiến cho năm học tiếp theo. Tỉ lệ đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan có xu hướng tăng dần qua các năm.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Quán triệt đầy đủ các văn bản nhà nước liên quan đến CTĐT để cập nhật mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra; cần tách biệt các chuẩn đầu ra theo các lĩnh vực kiến thức, kĩ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm; lựa chọn các từ thích hợp để mô tả chuẩn đầu ra đảm bảo có thể đo được. Cần mô tả chuẩn đầu ra công nghệ thông tin đầy đủ thể hiện đáp ứng chuẩn quốc gia về công nghệ thông tin và ứng dụng được trong kế toán.

(ii) Chính xác hóa một số nội dung trong bản mô tả CTĐT; xác định thang đo khoa học cho ma trận kĩ năng; cần rà soát, chuẩn hóa chuẩn đầu ra các học phần; thiết kế để công khai hóa bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trên trang thông tin điện tử ở vị trí/thư mục dễ tìm kiếm.

(iii) Rà soát chương trình dạy học và chuẩn đầu ra để xác lập sự phù hợp các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra; rà soát và hoàn thiện lại thang đo năng lực mức đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra; lấy ý kiến đầy đủ hơn về nội dung học phần; nghiên cứu giảm thời lượng đào tạo xuống còn khoảng 130 tín chỉ; nghiên cứu tổ chức đào tạo ngoại ngữ cho phù hợp; tăng thêm thời gian thực tập và khóa luận tốt nghiệp.

(iv) Cần tổ chức đánh giá về mục tiêu, triết lí giáo dục và xem xét mục tiêu, triết lí giáo dục của Trường được quán triệt trong từng CTĐT; cần có nhiều hình thức truyền thông đến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT; rà soát kĩ đề cương học phần để đảm bảo phương pháp giảng dạy được mô tả rõ ràng cho các chương/bài; tổ chức tổng kết việc



giảng dạy trực tuyến để thực hiện tốt hơn trong thời gian tới; nên tìm hiểu sâu hơn ý kiến của nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh phương pháp, nội dung giảng dạy giúp sinh viên có thể thích ứng với môi trường làm việc và tự đào tạo sau khi ra trường.

(v) Rà soát qui định về xây dựng, quản lý ngân hàng câu hỏi và tổ chức thi kết thúc học phần, đảm bảo liên thông giữa các văn bản này với đề cương chi tiết, cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi, qui tắc tạo lập đề thi trên máy, sử dụng phần mềm hiệu quả để tổ chức thi; giám sát chặt chẽ hơn công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi, hằng năm bổ sung câu hỏi để làm phong phú ngân hàng; giám sát tốt hơn công tác chấm thi, đảm bảo chấm thi đúng qui định; nên rút ngắn thời gian của quá trình phúc khảo bài thi; thực hiện chấm kiểm tra bài thi cuối kì; thực hiện phân tích độ tin cậy, độ giá trị của các câu hỏi/đề thi.

(vi) Cần có kế hoạch xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế cận, tăng số lượng giảng viên có trình độ cao (học vị tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư). Sớm bổ sung chức danh Trưởng bộ môn ngành Kế toán và đúng qui định. Xây dựng các chỉ số thực hiện quan trọng (KPIs) cho bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, trong đó bao gồm các chỉ số về năng lực giảng dạy và kiểm tra, đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm khoa học.

(vii) Tổng kết chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 và ban hành chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo, làm rõ các chỉ tiêu về phát triển đội ngũ nhân viên; qui hoạch đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo từng vị trí việc làm, chú trọng đến yêu cầu năng lực để thực hiện “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; thiết lập quản trị hệ thống theo KPI, tiến hành đồng bộ các cơ chế giám sát và đánh giá kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ dựa trên các chỉ số KPI.

(viii) Cải tiến hoạt động thu thập lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đề án tuyển sinh để đảm bảo thu thập đúng và đủ số lượng, xử lý kết quả đảm bảo độ tin cậy. Khai thác thêm kênh thông tin dữ liệu liên quan đến dự báo nguồn nhân lực lĩnh vực ngành nghề, yêu cầu của thị trường lao động (cựu sinh viên và nhà tuyển dụng) để xây dựng chính sách/đề án tuyển sinh phù hợp với lĩnh vực ngành nghề. Tìm giải pháp nhằm tăng hiệu quả việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện. Định kì thực hiện hoạt động đánh giá tính hiệu quả của từng hoạt động hỗ trợ người học cả học thuật và phi học thuật để cải tiến các chương trình phù hợp với thực tiễn ngành nghề. Cần xây dựng đơn vị chuyên trách tham vấn tâm lí cho người học.

(ix) Bố trí phòng làm việc riêng cho trưởng bộ môn theo qui định; trang bị phòng thực hành nghề nghiệp (phòng kế toán mô phỏng, phòng thống kê cơ sở dữ liệu kinh tế, ngân hàng mô phỏng); cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; hoàn thiện phần mềm



*[Handwritten signature]*



hỗ trợ và quản lý giảng dạy trực tuyến; tăng cường hiệu quả sử dụng các phòng chức năng để sản xuất học liệu.

(x) Ban hành văn bản chung qui định về hoạt động rà soát, đánh giá hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; hướng dẫn cụ thể việc áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên vào hoạt động dạy và học; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với tất cả lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; ban hành qui định về hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan và qui định rõ về số lượng đối với mỗi đối tượng, nội dung, thời gian và qui trình khảo sát; hoàn thiện các bộ công cụ khảo sát để thực hiện thống nhất trong toàn Trường.

(xi) Phân tích nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học, tốt nghiệp không đúng hạn của CTĐT thường xuyên hơn; đánh giá đầy đủ và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên và mức độ hài lòng của các liên quan về sinh viên tốt nghiệp; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường, trong đó có chính sách đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, phù hợp với năng lực, mong muốn của sinh viên và đầu tư của Nhà trường; nâng mức chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên theo đúng qui định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 12/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

-----